

THỜI KHÓA BIỂU TKB SỐ 1-HKI-2026-2027 NĂM HỌC 202

KHỐI 12

Thứ	Buổi	Tiết	12A1	12A2	12A3	12A4	12A5
2	S	1	Hóa học-Hiền (Hóa)	HĐTN-HN-Hà (Sinh)	CD Lịch sử-Hạnh	Tiếng Anh-Phương	CD Toán-Phương (Toán)
		2	CD Hóa học-Hiền (Hóa)	Vật lí-Bình	HĐTN-HN-Thúy	Lịch Sử-Hạnh	Tin học-Hằng
		3	Tiếng Anh-Tiến	Lịch Sử-Ngoan	Toán-Liên	GDĐP-Hạnh (Sử)	HĐTN-HN-Bình
		4	Vật lí-Phương	Sinh học-Hà (Sinh)	Địa Lí-Thúy	CNCK-Vĩnh	Hóa học-Hiền (Hóa)
		1	HĐTN-HN-Dung (HT)	GDQP-AN-Nhi	Tin học-Phương	Lịch Sử-Hạnh	CNCK-Vĩnh
		2	HĐTN-HN-Dung (HT)	Tin học-Hằng	Ngữ văn-Vượng	Hóa học-Hiền (Hóa)	CNCK-Vĩnh
		3	Sinh học-Hà (Sinh)	Hóa học-Hiền (Hóa)	Toán-Liên	Vật lí-Ngân	CD Vật lí-Bình
		4	GDQP-AN-Nhi	CD Hóa học-Hiền (Hóa)	Tiếng Anh-Phương	CD Vật lí-Ngân	Ngữ văn-Vượng
		5	Tin học-Phương	Lịch Sử-Ngoan	Lịch Sử-Hạnh	Hóa học-Hiền (Hóa)	Ngữ văn-Vượng
		1	Toán-Chính	GDTC-Ngà	Lịch Sử-Hạnh	CD Toán-Liên	Tiếng Anh-Phương
		2	CD Vật lí-Phương	GDTC-Ngà	Tiếng Anh-Phương	CD Ngữ văn-Liêm	Tin học-Hằng
		3	Vật lí-Phương	CD Vật lí-Bình	Tin học-Phương	Tiếng Anh-Phương	Toán-Phương (Toán)
		4	GDTC-Ngà	Toán-Thân	GDQP-AN-Nhi	Tiếng Anh-Phương	Lịch Sử-Hạnh
		5	CD Toán-Liên	Tiếng Anh-Toan	Tiếng Anh-Phương	GDQP-AN-Nhi	Lịch Sử-Hạnh
5	S	1	Tin học-Phương	Tiếng Anh-Toan	CD Ngữ văn-Vượng	Toán-Chính	GDQP-AN-Thường
		2	Toán-Chính	Tiếng Anh-Toan	Ngữ văn-Vượng	Ngữ văn-Liêm	Vật lí-Bình
		3	Sinh học-Hà (Sinh)	Ngữ văn-Vượng	Địa Lí-Thúy	Toán-Chính	Toán-Phương (Toán)
		4	GDTC-Ngà	Toán-Thân	GDKTPL-Hoan	Địa Lí-Thúy	GDTC-Quân
		5	Ngữ văn-Hiệu	Toán-Thân	GDKTPL-Hoan	Địa Lí-Thúy	CD Ngữ văn-Vượng
6	S	1	Toán-Chính	Vật lí-Bình	HĐTN-HN-Thúy	GDTC-Quân	GDĐP-Vĩnh
		2	Lịch Sử-Hiễn	Sinh học-Hà (Sinh)	Toán-Liên	Toán-Chính	HĐTN-HN-Bình
		3	GDĐP-Hiễn	Ngữ văn-Vượng	CD Địa lý-Giang (Địa)	HĐTN-HN-Vĩnh	Vật lí-Bình
		4	Tiếng Anh-Tiến	Ngữ văn-Vượng	CNCK-Vĩnh	Ngữ văn-Liêm	Hóa học-Hiền (Hóa)
		5	Tiếng Anh-Tiến	CD Toán-Thân	CNCK-Vĩnh	Ngữ văn-Liêm	GDTC-Quân
7	S	1	Hóa học-Hiền (Hóa)	GDĐP-Hiễn	GDĐP-Vĩnh	GDTC-Quân	Ngữ văn-Vượng
		2	Lịch Sử-Hiễn	Tin học-Hằng	Ngữ văn-Vượng	Vật lí-Ngân	Toán-Phương (Toán)
		3	Ngữ văn-Hiệu	Hóa học-Hiền (Hóa)	GDTC-Quân	HĐTN-HN-Vĩnh	Tiếng Anh-Phương

		4	Ngữ văn-Hiệu	HĐTN-HN-Hà (Sinh)	GDTC-Quân	CNCK-Vĩnh	Tiếng Anh-Phương
--	--	---	--------------	-------------------	-----------	-----------	------------------

26-2027 ÁP DỤNG NGÀY 05-09-2026

12A6	12A7	12A8	12A9
Tiếng Anh-Toan	HĐTN-HN-Ngoan	Tin học-Hằng	GDĐP-Vĩnh
HĐTN-HN-Ngoan	Sinh học-Hà (Sinh)	Tiếng Anh-Tiến	Toán-Phương (Toán)
Hóa học-Hiền (Hóa)	Sinh học-Hà (Sinh)	GDĐP-Giang (CN)	HĐTN-HN-Ngà
Lịch Sử-Ngoan	Tiếng Anh-Phương	Toán-Liên	HĐTN-HN-Ngà
GDKTPL-Hoan	Tiếng Anh-Phương	Tin học-Hằng	Tiếng Anh-Toan
Toán-Thản	Tiếng Anh-Phương	HĐTN-HN-Giang (CN)	Ngữ văn-Hiệu
Toán-Thản	Toán-Thanh	Lịch Sử-Hạnh	CNCK-Vĩnh
Ngữ văn-Hiệu	GDQP-AN-Thường	CNCK-Vĩnh	Vật lí-Phương
CĐ Ngữ văn-Hiệu	GDKTPL-Hoan	CNCK-Vĩnh	Tin học-Hằng
GDĐP-Nga	CĐ Lịch sử-Ngoan	CĐ Ngữ văn-Liêm	Toán-Phương (Toán)
GDKTPL-Hoan	Toán-Thanh	CĐ Toán-Liên	Lịch Sử-Hạnh
Toán-Thản	CĐ Ngữ văn-Liêm	Tiếng Anh-Tiến	Tiếng Anh-Toan
Vật lí-Giang (PHT)	Ngữ văn-Liêm	Tiếng Anh-Tiến	CĐ Vật lí-Phương
CĐ Lịch sử-Ngoan	GDĐP-Nga	Ngữ văn-Liêm	GDTC-Ngà
Sinh học-Hà (Sinh)	Lịch Sử-Ngoan	GDTC-Ngà	CĐ Ngữ văn-Hiệu
HĐTN-HN-Ngoan	GDKTPL-Hoan	GDTC-Ngà	Ngữ văn-Hiệu
Ngữ văn-Hiệu	Ngữ văn-Liêm	Lịch Sử-Hạnh	GDTC-Ngà
Ngữ văn-Hiệu	Toán-Thanh	Ngữ văn-Liêm	Địa Lí-Giang (Địa)
GDTC-Quân	HĐTN-HN-Ngoan	Địa Lí-Giang (Địa)	Lịch Sử-Hạnh
Sinh học-Hà (Sinh)	Ngữ văn-Liêm	CĐ Vật lí-Ngân	GDQP-AN-Thường
Hóa học-Hiền (Hóa)	GDTC-Quân	Địa Lí-Giang (Địa)	CNCK-Vĩnh
GDTC-Quân	Vật lí-Phương	Ngữ văn-Liêm	CĐ Toán-Phương (Toán)
CĐ Toán-Thản	Vật lí-Phương	Vật lí-Giang (PHT)	Địa Lí-Giang (Địa)
GDQP-AN-Thường	Hóa học-Hiền (Hóa)	HĐTN-HN-Giang (CN)	Vật lí-Phương
Tiếng Anh-Toan	Lịch Sử-Ngoan	Toán-Liên	Toán-Phương (Toán)
Tiếng Anh-Toan	GDTC-Quân	Toán-Liên	Ngữ văn-Hiệu
Lịch Sử-Ngoan	CĐ Toán-Thanh	Vật lí-Giang (PHT)	Tin học-Hằng

Vật lí-Giang (PHT)	Hóa học-Hiền (Hóa)	GDQP-AN-Thường	Tiếng Anh-Toan
--------------------	--------------------	----------------	----------------